

Chuyên đề:

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP VÀ CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP CỦA THANH TRA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

MỞ ĐẦU

Theo quy định của Nghị định 99/2013/NĐ-CP của Chính phủ, cơ quan Thanh tra ngành KH&CN có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp. Cụ thể là các hành vi sau:

- (i) Hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí;
- (ii) Xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp;
- (iii) Sản xuất, nhập khẩu, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý;
- (iv) Sản xuất, nhập khẩu, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán tem nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo;
- (v) Cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, các vụ việc được xem xét trên cơ sở đề nghị của chủ thể quyền (hoặc người đại diện hợp pháp) thông qua việc nộp Đơn yêu cầu xử lý xâm phạm/đề nghị xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (sau đây gọi chung là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp) đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. Trừ trường hợp: (i) hàng hóa, tem, nhãn, bao bì, vật phẩm khác mang nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý giả mạo; (ii) Hàng hóa, dịch vụ vi phạm liên quan đến lương thực, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vật liệu xây dựng, phương tiện giao thông, hóa chất dùng trong y tế, nông nghiệp, môi trường và những mặt hàng khác do người có thẩm quyền xác định theo nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất (khoản 3 Điều 22 Nghị định 99).

Việc xem xét xử lý vụ việc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ được quy định bởi pháp luật, đối với Cơ quan Thanh tra Khoa học và Công nghệ sẽ phải thực hiện theo các quy định của pháp luật thanh tra (như Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành), pháp luật sở hữu trí tuệ (như Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định 105/2006/NĐ-CP, Nghị định 119/2010/NĐ-CP)

Thanh tra năm 2010 (khác với các cơ quan khác: công an, quản lý thị trường, hải quan), Nghị định 99, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Để xử lý một Đơn đề nghị xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, Cơ quan thanh tra KH&CN phải chú ý các trình tự, thủ tục luật định, đặc biệt là phải tiếp cận hồ sơ ban đầu đúng thì mới thực hiện tốt các bước xử lý tiếp theo.

I. XEM XÉT TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐƠN YÊU CẦU XỬ LÝ VI PHẠM

Cơ quan Thanh tra KH&CN khi tiếp nhận đơn có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu xử lý vi phạm (trong vòng 10 ngày làm việc được tính kể từ ngày tiếp nhận đơn).

1. Đơn yêu cầu xử lý xâm phạm được coi là hợp lệ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau

1.1. Về hình thức:

- Phải thể hiện bằng văn bản;
- Ghi rõ ngày làm đơn;
- Có chữ ký của người đại diện hợp của tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền, dấu xác nhận chữ ký (nếu có).

1.2. Về nội dung:

- Ghi rõ cơ quan được yêu cầu xử lý hành vi vi phạm (ví dụ như Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, hoặc Thanh tra Sở KH&CN tỉnh/thành phố...);
- Ghi rõ thông tin về tổ chức, cá nhân (chủ thể quyền sở hữu công nghiệp) yêu cầu xử lý vi phạm (địa chỉ, điện thoại liên hệ...);

- Ghi rõ thông tin về người đại diện hợp pháp hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền đại diện cho chủ thể quyền sở hữu công nghiệp đề nghị xử lý vi phạm (địa chỉ, điện thoại liên hệ...), trong trường hợp thông qua đại diện sở hữu công nghiệp;

- Ghi rõ đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan bị xâm phạm: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu (trong trường hợp yêu cầu xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp)... hoặc các chỉ dẫn thương mại của sản phẩm, hàng hóa (trong trường hợp yêu cầu xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp).

- Thông tin về hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu vi phạm;

- Thông tin đầy đủ, rõ ràng về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân bị yêu cầu xử lý vi phạm;

- Đề xuất biện pháp yêu cầu xử lý.

1.3. Tài liệu chứng cứ kèm theo Đơn:

- Tài liệu chứng minh quyền yêu cầu xử lý vi phạm của chủ thể quyền; (ví dụ văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp còn hiệu lực);

- Tài liệu chứng minh đại diện sở hữu công nghiệp được chủ thể quyền ủy quyền nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm.

- Tài liệu mô tả hoặc ảnh chụp: (i) hành vi hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm và (ii) địa điểm nơi có hành vi hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm.

- Các tài liệu, mẫu vật, chứng cứ khác để hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm và hàng hóa, dịch vụ vi phạm (nếu có)

2. Xử lý đơn trong trường hợp chưa hợp lệ

Đơn chưa hợp lệ là đơn thiếu chưa đáp ứng được đầy đủ về hình thức, nội dung và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn, do đó cơ quan xử lý cần yêu cầu chủ thể quyền bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc giải trình làm rõ trong thời hạn tối đa là **30 ngày kể từ ngày yêu cầu**.

3. Quyền yêu cầu và trung cầu của cơ quan thanh tra KH&CN

Cơ quan Thanh tra KH&CN các cấp khi thụ lý vụ việc có thể yêu cầu bên bị yêu cầu xử lý vi phạm cung cấp thông tin, chứng cứ, giải trình rõ về hành vi đang bị tố cáo là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

Cơ quan Thanh tra KH&CN có quyền trưng cầu ý kiến chuyên môn của cơ quan nhà nước về sở hữu công nghiệp hoặc trưng cầu giám định sở hữu công nghiệp để làm rõ các tình tiết của vụ việc.

4. Các trường hợp từ chối xử lý đơn yêu xử lý vi phạm

4.1. Đơn yêu cầu xử lý vi phạm được nộp khi đang có tranh chấp quyền sở hữu công nghiệp liên quan;

4.2. Người yêu cầu xử lý vi phạm không đáp ứng yêu cầu của cơ quan xử lý vi phạm về giải trình, bổ sung chứng cứ chứng minh tư cách chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và chứng minh vi phạm theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 25 của Nghị định này;

4.3. Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

4.4. Kết quả xác minh của cơ quan xử lý vi phạm hoặc cơ quan công an cho thấy không có vi phạm như mô tả trong đơn yêu cầu xử lý vi phạm;

4.5. Có kết luận, quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc không đủ căn cứ để tiến hành thủ tục xử lý vi phạm;

4.6. Hành vi không bị coi là vi phạm theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc không bị xử phạt hành chính theo quy định.

II. ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ, TÀI LIỆU XỬ LÝ VI PHẠM

Chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong việc xác định có hay không có hành vi xâm phạm xảy ra ở tất cả các giai đoạn trong quá trình xử lý vụ việc, việc nhận diện và đánh giá tốt các loại chứng cứ, tài liệu liên quan sẽ giúp cho cán bộ thực thi, người có thẩm quyền xử lý vi phạm có các quyết định đúng đắn, bảo đảm sự khách quan, công bằng trong việc xử lý hành vi vi phạm.

Các chứng cứ phải được thu thập đầy đủ từ nhiều nguồn:

- (i) từ chủ thể quyền/người nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm;
- (ii) từ bên bị yêu cầu xử lý vi phạm và
- (iii) do cơ quan Thanh tra KH&CN thu thập.

Các chứng cứ phải đảm bảo: (i) khách quan, (ii) được thu thập một cách hợp pháp; (iii) nội dung đảm bảo sự rõ ràng để sử dụng làm cơ sở giải quyết vụ việc.

Ví dụ: Đối với các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn là các bản sao các giấy chứng nhận, văn bằng bảo hộ, chứng chỉ và các tài liệu khác, chúng chỉ được coi là hợp lệ nếu chủ thể quyền xuất trình bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có xác nhận của cơ quan cấp bản gốc. Cán bộ nhận hồ sơ ký xác nhận vào bản sao đã được đối chiếu với bản gốc và không cần có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc cơ quan cấp các giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ đó thì cũng có thể coi đây là các tài liệu hợp lệ. Bản giải trình của chủ thể quyền (về doanh thu, uy tín, quảng cáo, bằng chứng sử dụng rộng rãi, bản sao các giấy chứng nhận, văn bằng bảo hộ tại các nước khác) cung cấp cho cơ quan xử lý vi phạm được coi là hợp lệ nếu có cam kết chịu trách nhiệm pháp lý về nội dung, thông tin của bản giải trình và chữ ký xác nhận và đóng dấu (nếu có) của chủ thể quyền hoặc người đại diện hợp pháp của chủ thể quyền. Nếu bản giải trình có nhiều trang thì chủ thể quyền phải ký nháy vào từng trang hoặc đóng dấu giáp lai vào các trang (nếu có) thì cũng được coi là tài liệu hợp lệ.

III. TIẾN HÀNH THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

1. Thụ lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm

Đơn yêu cầu xử lý vi phạm hợp lệ (đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hình thức, nội dung, đúng thẩm quyền) và không thuộc các trường hợp phải từ chối xử lý thì: **trong vòng 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận đơn hợp lệ**, cơ quan tiếp nhận đơn sẽ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm về dự định:

(i) thời gian,

(ii) thủ tục;

(iii) biện pháp xử lý và

(iv) yêu cầu hợp tác, hỗ trợ của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp trong khi thanh tra, kiểm tra, xác minh và xử lý vi phạm.

2. Những trường hợp phải dừng thanh tra, dừng xử lý vi phạm

Trong quá trình xử lý vi phạm (gồm các khâu: tiếp nhận đơn, thụ lý, tiến hành thanh tra, lập biên bản vi phạm hành chính), nếu vụ việc thuộc các trường

hợp sau đây thì Thanh tra KH&CN phải dừng xử lý vi phạm. Việc dừng xử lý vi phạm phải thông báo bằng văn bản cho các bên biết:

2.1. Có phát sinh khiếu nại, tố cáo, tranh chấp sau khi thụ lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm và phải cho kết quả của cơ quan có thẩm quyền;

2.2. Chưa có đưa căn cứ xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp sau khi đã thụ lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm;

2.3. Người nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm có văn bản rút yêu cầu xử lý vi phạm;

2.4. Các bên đã tự thỏa thuận được với nhau và đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bên thứ ba, người tiêu dùng và xã hội thì cơ quan Thanh tra KH&CN ghi nhận biện pháp giải quyết đó và dừng xử lý vụ việc.

3. Thủ tục, trình tự tiến hành thanh tra, xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp

Sau khi thụ lý vụ việc, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN hoặc Chánh Thanh tra KH&CN cùng cấp (Bộ, Sở) ban hành quyết định thanh tra, trong đó cử 01 công chức thanh tra của đơn vị làm Trưởng đoàn thanh tra để tiến hành các thủ tục thanh tra, xử lý vi phạm.

3.1. Xây dựng kế hoạch thanh tra của Đoàn thanh tra

Trưởng đoàn Thanh tra sẽ có trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch thanh tra cho Đoàn Thanh tra.

Kế hoạch tiến hành thanh tra gồm: (i) mục đích; (ii) yêu cầu, (iii) phạm vi, (iv) nội dung, (v) đối tượng, (vi) thời kỳ, (vii) thời hạn thanh tra; (viii) phương pháp tiến hành thanh tra, (ix) tiến độ thực hiện, (x) chế độ thông tin, (xi) báo cáo, (xii) phương tiện, thiết bị, kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết khác phục vụ hoạt động của Đoàn thanh tra; tổ chức thực hiện kế hoạch tiến hành thanh tra.

Trưởng đoàn thanh tra trình người ra quyết định thanh tra phê duyệt kế hoạch tiến hành thanh tra (người có thẩm quyền ký quyết định thanh tra bao gồm: Bộ trưởng Bộ KH&CN, Chánh Thanh tra Bộ KH&CN; Giám đốc Sở KH&CN hoặc Chánh Thanh tra Sở KH&CN).

Thời gian xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến hành thanh tra do người ra quyết định thanh tra quyết định, nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định thanh tra. Trường hợp thanh tra đột xuất thì thời gian xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra không quá 03 ngày làm việc.

3.2. Tổ chức thanh tra đối với bên bị yêu cầu xử lý

(i) Công bố quyết định thanh tra:

Quyết định thanh tra phải được công bố cho đối tượng thanh tra ngay khi tiến hành thanh tra trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký quyết định thanh tra.

Quyết định thanh tra phải bao gồm các nội dung:

- a) Căn cứ pháp lý để thanh tra;
- b) Phạm vi, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ thanh tra;
- c) Thời hạn thanh tra;
- d) Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên khác của Đoàn thanh tra.

(ii) Tiến hành thanh tra đối với đối tượng được thanh tra.

Lập biên bản thanh tra ghi nhận diễn biến, kết quả thanh tra.

3.3. Trình tự, thủ tục xử lý vi phạm

3.3.1. Lập biên bản vi phạm hành chính

Trong quá trình thanh tra, nếu phát hiện có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp người có thẩm quyền đang thi hành công vụ (Trưởng đoàn thanh tra, thanh tra viên) phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính.

Yêu cầu của biên bản vi phạm hành chính:

Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ;

quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định tại khoản này phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

3.3.2. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính

Buộc chấm dứt hành vi vi phạm được người có thẩm quyền đang thi hành công vụ áp dụng đối với hành vi vi phạm đang diễn ra nhằm chấm dứt ngay hành vi vi phạm (ví dụ đang sản xuất, đang bán hàng hóa vi phạm). Việc buộc chấm dứt hành vi vi phạm được thực hiện bằng các hình thức do pháp luật quy định.

3.3.3. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản

Chỉ áp dụng đối với trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ.

Nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ phải ghi rõ: (i) ngày, tháng, năm ra quyết định; (ii) họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; (iii) hành vi vi phạm; (iv) địa điểm xảy ra vi phạm; chứng cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt; (v) điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt.

b. Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản

Xử phạt vi phạm về sở hữu công nghiệp và cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm của cá nhân, tổ chức mà không thuộc trường hợp quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính đã được lập thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền phải ban hành quyết định xử phạt vi phạm.

Nội dung quyết định xử phạt bao gồm các nội dung chính sau:

- Địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định;
- Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;
- Biên bản vi phạm hành chính, kết quả xác minh, văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc biên bản họp giải trình và tài liệu khác (nếu có);
- Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;
- Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm;
- Hành vi vi phạm hành chính; tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;
- Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;
- Hình thức xử phạt chính; hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);
- Quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- Hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nơi nộp tiền phạt;
- Họ tên, chữ ký của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành.

Trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; **việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.**

III. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VÀ CƯỖNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT

3.1. Việc thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3.2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thay đổi, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp thì tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm tiến hành thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh **trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.**

Sau thời hạn nêu trên, nếu tổ chức, cá nhân vi phạm không tiến hành thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp thì cơ quan ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3.3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp buộc thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tiến hành thủ tục thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền tại cơ quan quản lý tên miền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt hành chính có hiệu lực thi hành.

Sau thời hạn nêu trên nếu tổ chức, cá nhân vi phạm không tiến hành thủ tục thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền thì cơ quan ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính yêu cầu cơ quan quản lý tên miền thu hồi tên miền. Cơ quan quản lý tên miền có trách nhiệm thu hồi tên miền theo quy định của pháp luật.

3.4. Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện việc thu tiền phạt, trích chuyển nộp tiền phạt, hoàn trả tiền nộp phạt căn cứ theo quyết định xử lý vụ việc của người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.

IV. THỦ TỤC SỬA ĐỔI, HỦY BỎ, ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT

4.1. Trường hợp quyết định giải quyết tranh chấp về sở hữu công nghiệp của cơ quan có thẩm quyền được ban hành trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt hành chính dẫn đến việc thay đổi căn cứ, nội dung của quyết định xử phạt hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ hiệu lực của quyết định xử phạt hành chính đã ban hành cho phù hợp với quyết định giải quyết tranh chấp.

4.2. Trường hợp quyết định xử phạt hành chính đã được tổ chức, cá nhân bị xử phạt thi hành thì Chánh Thanh tra của cơ quan Thanh tra KH&CN thực hiện một trong các biện pháp sau đây:

a) Đề nghị Kho bạc Nhà nước nơi đã thu tiền phạt hoàn trả một phần hoặc toàn bộ tiền phạt đã nộp theo quyết định sửa đổi, hủy bỏ, đình chỉ quyết định xử phạt theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đã nộp tiền phạt. Yêu cầu hoàn trả tiền phạt chỉ được chấp nhận trong thời hạn không quá 90 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định sửa đổi, hủy bỏ, đình chỉ;

b) Trả lại hàng hóa, vật phẩm, phương tiện kinh doanh tạm giữ, tịch thu nhưng chưa bị xử lý. Trường hợp hàng hóa, vật phẩm, phương tiện kinh doanh bị tạm giữ, tịch thu đã bị xử lý thì tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho tổ chức, cá nhân bị xử lý theo cam kết đã thực hiện khi yêu cầu xử lý vi phạm, nếu có;

c) Biện pháp xử lý khác theo đề xuất hợp lý của các bên liên quan.

4.3. Trường hợp quyết định xử phạt hành chính bị phát hiện có vi phạm về thẩm quyền, thủ tục, căn cứ ban hành thì được xử lý theo quy định tại Điều 15 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về “*Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện trong xử lý vi phạm hành chính*” và quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**SƠ ĐỒ TÓM TẮT TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ HÀNH VI
XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP VÀ CẠNH TRANH
KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
CỦA THANH TRA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

